ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1100/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho thị trấn Hưng Hà và thị trấn Hưng Nhân thuộc huyện Hưng Hà.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 32/TTr-VPĐP ngày 26/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho thị trấn Hưng Hà và thị trấn Hưng Nhân thuộc huyện Hưng Hà, với tổng khối lượng: 1.223,6 tấn, trong đó:

- Thị trấn Hưng Hà: 572,4 tấn;
- Thị trấn Hưng Nhân: 651,2 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các huyện, thành phố được tỉnh phê duyệt trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho thị trấn Hưng Hà và thị trấn Hưng Nhân thuộc huyện Hưng Hà; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho thị trấn Hưng Hà và thị trấn Hưng Nhân theo khối lượng xi măng được duyệt;

- Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà, Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Hà và Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân: Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thực hiện thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ đảm bảo quy

định; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, và hướng dẫn của các sở, ngành chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NN, TM, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục: DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH NHÓM 1 CỦA THỊ TRẤN HƯNG HÀ VÀ THỊ TRẤN HƯNG NHÂN THUỘC HUYỆN HƯNG HÀ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1150 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng hỗ trợ (tấn)
	Tổng cộng (02 thị trấn)			**1.223,6**
1	**Thị trấn Hưng Hà**			**572,4**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**483,1**
	Bm 3,5m	***2.465***	***Bm 3,5m;BT M200;dày 16cm***	***483,1***
	Từ nhà Ô.Sơn - Ô.Đản khu Đãn Chàng II	236		46,3
	Từ H 59 cửa miếu - Đường DA Ô.Dáng khu Đãn Chàng II	525		102,9
	Từ nhà Ô.Nho - nhà Ô.Phóng khu Đãn Chàng II	100		19,6
	Từ nhà Ô.Tuấn - nhà B.Vân- DA B.Cánh khu Đãn Chàng II	240		47,0
	Từ Đường Kim Trung đến Hội trường khu Thị Độc	521		102,1
	Từ nhà ông Quốc đến Hội trường khu Duyên Phúc	843		165,2
*	**Đường nhánh cấp 1 GT trục thôn**			**89,3**
	Bm 2,5m	***607***	***Bm 2,5m;BT M200;dày 14cm***	***89,3***
	Từ nhà B.Tất - Gốc đa chùa khu Duyên Phúc	250		36,8
	Từ Ô.Đợi - nhà Ô. Cước khu Duyên Phúc	357		52,5
2	**Thị trấn Hưng Nhân**			**651,2**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**330,5**
	Bm 3,5m	***1.420***	***Bm 3,5m;BT M200;dày 16cm***	***278,4***
	Từ ngõ ông Trang đến ngõ ông Mừng Khu Châu	236		46,3
	Từ Cầu Lái đến nhà anh Tuyến Khu Lái	360		70,6
	Từ công huyện cũ đến nhà anh Thịnh Khu Thị An	44		8,6
	Từ cổng đình Buộm đến chùa Khu Buộm	250		49,0
	Từ nhà thờ đến nhà anh Thưởng Khu Buộm	180		35,3
	Từ đường 39B đến nhà ông Mạnh Khu Buộm	200		39,2
	Từ đền đến nhà bà Nhung Khu Văn	150		29,4
	Bm 3,0m	***310***	***Bm 3,0m;BT M200;dày 16cm***	***52,1***
	Từ ngõ ông Dân đến ngõ anh Thuần Khu Châu	40		6,7
	Từ ông ông Lê đến ông Đồi Khu Vân Đông	270		45,4
*	**Đường nhánh cấp 1 GT trục thôn**			**320,7**
	Bm 2,5m	***2.444***	***Bm 2,5m;BT M200;dày 14cm***	***300,7***
	Từ cửa chùa đến ngõ ông Thân khu Xuân Trúc	300		36,9

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng hỗ trợ (tấn)
	Từ đường mới xã Canh Tân đến cây xăng Khu Thạch	225		27,7
	Từ ngõ anh Quyết đến ngõ bà Phao khu Châu	75		9,2
	Từ ngõ bà Nhan đến ông Xá Khu Lái	40		4,9
	Từ ngõ bà Tập đến nhà ông Thăng Khu Mẽ	300		36,9
	Từ ngõ ông Xuân đến ông Dũng Khu Mẽ	130		16,0
	Từ ngõ anh Huệ đến anh Dĩnh Khu Mẽ	85		10,5
	Từ ngõ chị Thảo (Tuyến) đến anh Tuyết Khu Thị An	95		11,7
	Từ ngõ anh Hoàn đến ông Minh Khu Thị An	61		7,5
	Từ ngõ ông Hưng đến đường liên xã Khu Đặng	80		9,8
	Từ ngõ bà Lương đến đường liên xã Khu Đặng	45		5,5
	Từ ngõ ông Hậu đến ngõ ông Tuân Khu Ân Xá	120		14,8
	Từ ngõ ông Luân đến ngõ ông Cừ Khu Ân Xá	100		12,3
	Từ ngõ ông Cát đến chị Hiện Khu Ân Xá	150		18,5
	Từ ngõ ông Đoan đến nhà ông Chín Khu Ân Xá	30		3,7
	Bến xe mới đến chợ Tây Xuyên Khu Tây Xuyên	113		13,9
	Từ ngõ ông Nghinh đến nhà ông Hùng Khu Tây Xuyên	140		17,2
	Ngõ bà Bùi đến ông Thức (sau làng) Khu Tây Xuyên	200		24,6
	Ngõ ông Tuân đến bờ giếng (xóm Trại) Khu Tây Xuyên	155		19,1
	Mở rộng	***400***		***20,0***
	Từ ngõ bà Nhung đến đình làng khu Văn (= 400 m2)	400		20,0

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
27/05/2014 16:18:03